TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **06**/2023/HNGĐ - ST Ngày 20-4-2023 *V/v tranh chấp ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Vân.

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo – Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2023, bản tự khai ngày 23/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị M và anh Lê Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2001 tại UBND xã H1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh Lê Văn C không tôn trọng chị và gia đình bên ngoại, vợ chồng đi làm ăn mỗi người mỗi nơi nên tình cảm ngày càng xa cách, cuộc sống rơi vào mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị không có thai nghén gì. Xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh Lê Văn C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn D, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C; Về con chung: Hai con Lê Văn D và Lê Văn T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn Lê Văn C:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Văn C. Anh C không có mặt ở nhà, nên bà Lê Thị San là mẹ đẻ anh C nhận thay và cam kết báo lại ngay và giao lại ngay khi anh C trở về. Ngày 14/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phối hợp cùng với UBND xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến tại nhà bà Lê Thị S (mẹ đẻ của anh Lê Văn C) ở thôn T, xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và làm việc với bà S. Bà S cho biết gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Bà đã báo lại với anh C nhưng do bận công việc nên anh không về được và trao đổi lại với bà là anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị M cương quyết ly hôn anh cũng chấp nhận để giải thoát cho chị M.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên*

tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh C chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị M được ly hôn anh C.

Về con chung: Hiện nay hai con chung của vợ chồng là Lê Văn D, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn C vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Lê Thị M và anh Lê Văn C thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29/3/2023, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê Văn C, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Lê Văn C, tuy nhiên anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- *Về hôn nhân:* Anh Lê Văn C và chị Lê Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/4/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn D, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn của chị M và anh C thấy rằng:

Chị M và anh C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/4/2001, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống cũng như tính cách nên thường xuyên xảy ra cải vã, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn C. Anh C mặc dù có nguyện vọng được đoàn tụ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh vẫn không về làm việc. Chứng tỏ anh không thiết tha níu kéo hạnh phúc gia đình. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh C và chị M có 02 con chung là Lê Văn D, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2005. Hiện nay hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự

khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0007185 ngày 07/02/2023. Chấp nhận chị M đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M vắng mặt anh C. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã H1, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh